

Số: /QĐ-BĐD Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch tín dụng đợt 1 năm 2026
cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh**

**TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4051/QĐ-CT ngày 04/12/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các văn bản của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội: Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 quy định về việc xây dựng và tổ chức kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội; Quyết định số 1026/QĐ-NHCS ngày 29/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-NHCSXH ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội; Công văn số 7064/NHCS-KHNV ngày 14/7/2025 về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng và xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2026, giai đoạn 2026 - 2030; Công văn số 18/NHCS-KHNV ngày 05/01/2026 về việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2026; Quyết định số 187/QĐ-NHCS ngày 12/01/2026 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Công văn số 68/NHCS-KHTD ngày 13/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch tín dụng đợt 1 năm 2026 cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh (chi tiết từng xã theo các Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Trưởng Ban Đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan về thẩm quyền phê duyệt nội dung đề xuất; tính chính xác, tính pháp lý đối với các hồ sơ, số liệu cung cấp, báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ đạo cán bộ tín dụng căn cứ kế hoạch tín dụng được giao của từng xã, phân bổ vốn đến từng thôn, báo cáo Giám đốc Phòng giao dịch để tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã phân bổ kế hoạch tín dụng năm 2026 được giao tại Quyết định này đến cấp thôn theo quy định để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC_{VA6456}.

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Cao Văn Cường

DANH MỤC TỔNG HỢP
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
CHO CÁC PHÒNG GIAO DỊCH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên phòng giao dịch	Tổng cộng	Chi tiêu kế hoạch huy động tiền gửi tổ chức, cá nhân	Chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn trung ương điều chỉnh tăng/giảm (-)	
				Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
1	2	3	4	5	6
1	Hoàng Hóa	27.000	10.000	7.000	10.000
2	Hậu Lộc	31.000	10.000	10.000	11.000
3	Nga Sơn	31.000	10.000	10.000	11.000
4	Nghi Sơn	40.000	10.000	15.000	15.000
5	Quảng Xương	30.000	10.000	10.000	10.000
6	Thọ Xuân	38.000	10.000	8.000	20.000
7	Yên Định	36.800	10.000	7.000	19.800
8	Triệu Sơn	45.000	10.000	10.000	25.000
9	Nông Cống	30.000	10.000	10.000	10.000
10	Vĩnh Lộc	29.000	10.000	7.000	12.000
11	Hà Trung	33.000	10.000	7.000	16.000
12	Cẩm Thủy	28.000	10.000	10.000	8.000
13	Thạch Thành	28.600	10.000	12.000	6.600
14	Quan Hóa	13.500	8.000	4.000	1.500
15	Bá Thước	20.000	8.000	9.000	3.000
16	Lang Chánh	11.000	7.000	3.000	1.000
17	Ngọc Lặc	20.000	10.000	5.000	5.000

Stt	Tên phòng giao dịch	Tổng cộng	Chi tiêu kế hoạch huy động tiền gửi tổ chức, cá nhân	Chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn trung ương điều chỉnh tăng/giảm (-)	
				Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân; xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở
18	Thường Xuân	18.700	8.000	8.000	2.700
19	Như Thanh	23.000	10.000	8.000	5.000
20	Hội sở tỉnh	105.400	10.000	8.000	87.400
21	Bím Sơn	27.000	15.000	6.000	6.000
22	Quan Sơn	11.000	7.000	3.000	1.000
23	Thiệu Hóa	36.000	10.000	10.000	16.000
24	Mường Lát	12.000	7.000	4.000	1.000
25	Như Xuân	19.000	10.000	4.000	5.000
26	Sầm Sơn	31.000	10.000	5.000	16.000
Cộng		775.000	250.000	200.000	325.000

DANH MỤC SỐ 01
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH HOÀNG HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn Trung ương	17.000	17.000
	Xã Hoàng Giang	2.400	2.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.400	1.400
	Xã Hoàng Phú	1.600	1.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Hoàng Sơn	1.300	1.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	300	300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Hoàng Thanh	2.100	2.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.100	1.100
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Hoàng Tiến	2.400	2.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.400	1.400

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Hoàng Lộc	1.400	1.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.400	1.400
	Xã Hoàng Châu	2.400	2.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.400	1.400
	Xã Hoàng Hóa	2.400	2.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.400	1.400

DANH MỤC SỐ 02
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH HẬU LỘC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	21.000	21.000
	Xã Hoa Lộc	4.250	4.250
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.250	2.250
	Xã Triệu Lộc	3.850	3.850
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.350	2.350
	Xã Hậu Lộc	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.000	2.000
	Xã Đông Thành	4.000	4.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.000	2.000
	Xã Vạn Lộc	5.400	5.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	3.000	3.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.400	2.400

DANH MỤC SỐ 03
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NGA SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	21.000	21.000
	Xã Nga Sơn	4.200	4.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.200	2.200
	Xã Nga Thảng	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800
	Xã Hồ Vương	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800
	Xã Tân Tiến	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Nga An	3.200	3.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.600	1.600
	Xã Ba Đình	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800

DANH MỤC SỐ 04
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH NGHĨ SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	30.000	30.000
	Phường Ngọc Sơn	4.000	4.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.000	2.000
	Phường Hải Lĩnh	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.900	1.900
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Phường Hải Bình	2.800	2.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	800	800
	Phường Trúc Lâm	3.300	3.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.800	1.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Phường Tĩnh Gia	5.700	5.700

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.200	2.200
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.500	3.500
	Phường Tân Dân	3.300	3.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800
	Phường Nghi Sơn	2.100	2.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.100	1.100
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Phường Đào Duy Từ	3.100	3.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Xã Trường Lâm	1.100	1.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	400	400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	700	700
	Xã Các Sơn	1.200	1.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	700	700

DANH MỤC SỐ 05
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH QUẢNG XƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	20.000	20.000
	Xã Tiên Trang	1.800	1.800
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800
	Xã Lưu Vệ	3.100	3.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.700	1.700
	Xã Quảng Yên	2.100	2.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.300	1.300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	800	800
	Xã Quảng Ninh	1.700	1.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.100	1.100

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Quảng Bình	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.800	1.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.600	1.600
	Xã Quảng Ngọc	4.000	4.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.300	2.300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.700	1.700
	Xã Quảng Chính	3.900	3.900
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.600	2.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.300	1.300

DANH MỤC SỐ 06
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH THỌ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	28.000	28.000
	Xã Sao Vàng	4.500	4.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.500	3.500
	Xã Xuân Hòa	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Thọ Xuân	5.500	5.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.500	4.500
	Xã Thọ Long	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Thọ Lập	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Xuân Tín	2.500	2.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Xã Xuân Lập	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Xã Lam Sơn	4.500	4.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.500	3.500

DANH MỤC SỐ 07
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH YÊN ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	26.800	26.800
	Xã Yên Định	5.100	5.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.100	4.100
	Xã Yên Phú	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Xã Quý Lộc	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Xã Yên Trường	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Yên Ninh	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Xã Định Tân	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Xã Định Hòa	4.200	4.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.200	3.200

DANH MỤC SỐ 08
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH TRIỆU SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	35.000	35.000
	Xã Triệu Sơn	6.600	6.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	5.200	5.200
	Xã An Nông	4.200	4.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.200	1.200
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000
	Xã Tân Ninh	4.000	4.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000
	Xã Đồng Tiến	4.200	4.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.200	1.200
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Hợp Tiến	3.200	3.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800
	Xã Thọ Phú	5.500	5.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.100	4.100
	Xã Thọ Ngọc	4.900	4.900
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.900	3.900
	Xã Thọ Bình	2.400	2.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000

DANH MỤC SỐ 09
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NÔNG CỐNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	20.000	20.000
	Xã Trường Văn	3.700	3.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.700	1.700
	Xã Nông Cống	4.000	4.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.300	2.300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.700	1.700
	Xã Trung Chính	1.700	1.700
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.700	1.700
	Xã Thắng Lợi	3.700	3.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.700	1.700

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Công Chính	3.600	3.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.600	1.600
	Xã Thăng Bình	2.100	2.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.700	1.700
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	400	400
	Xã Tượng Lĩnh	1.200	1.200
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.200	1.200

DANH MỤC SỐ 10
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH VĨNH LỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	19.000	19.000
	Xã Vĩnh Lộc	6.400	6.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.400	2.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.000	4.000
	Xã Tây Đô	6.300	6.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.300	2.300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.000	4.000
	Xã Biện Thượng	6.300	6.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.300	2.300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.000	4.000

DANH MỤC SỐ 11
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH HÀ TRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	23.000	23.000
	Xã Hà Trung	4.700	4.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.300	3.300
	Xã Tống Sơn	4.900	4.900
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.500	3.500
	Xã Hà Long	4.600	4.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.200	3.200
	Xã Hoạt Giang	4.400	4.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000
	Xã Lĩnh Toại	4.400	4.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000

DANH MỤC SỐ 12
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH CẨM THỦY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	18.000	18.000
	Xã Cẩm Thạch	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Xã Cẩm Vân	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Xã Cẩm Tú	3.800	3.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800
	Xã Cẩm Tân	3.400	3.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.400	1.400
	Xã Cẩm Thủy	3.800	3.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.800	1.800

DANH MỤC SỐ 13
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH THẠCH THÀNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	18.600	18.600
	Xã Kim Tân	4.000	4.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.000	2.000
	Xã Vân Du	3.000	3.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Ngọc Trạo	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.500	2.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Thạch Bình	3.100	3.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.100	1.100
	Xã Thành Vinh	3.000	3.000

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Thạch Quảng	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500

DANH MỤC SỐ 14
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH QUAN HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	8.000	8.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	8.000	8.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	5.500	5.500
	Xã Hội Xuân	3.000	3.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Xã Nam Xuân	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
	Xã Thiên Phú	450	450
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	450	450
	Xã Phú Lệ	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
	Xã Trung Thành	150	150
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	150	150
	Xã Phú Xuân	400	400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	400	400
	Xã Trung Sơn	300	300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	300	300

DANH MỤC SỐ 15
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH BÁ THƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	8.000	8.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	8.000	8.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	11.000	11.000
	Xã Bá Thước	5.000	5.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000
	Xã Thiết Ống	1.300	1.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.300	1.300
	Xã Văn Nho	1.200	1.200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.200	1.200
	Xã Điền Quang	1.000	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
	Xã Điền Lư	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
	Xã Quý Lương	1.000	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
	Xã Pù Luông	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500

DANH MỤC SỐ 16
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH LANG CHÁNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	7.000	7.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	7.000	7.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	4.000	4.000
	Xã Linh Sơn	2.400	2.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.400	1.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Văn Phú	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Đồng Lương	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
	Xã Giao An	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500

DANH MỤC SỐ 17
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NGỌC LẶC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	10.000	10.000
	Xã Ngọc Lặc	1.800	1.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Thạch Lập	1.600	1.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Ngọc Liên	1.100	1.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.100	1.100
	Xã Minh Sơn	1.800	1.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Nguyệt Ấn	1.900	1.900

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	900	900
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Kiên Thọ	1.800	1.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000

DANH MỤC SỐ 18
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	8.000	8.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	8.000	8.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	10.700	10.700
	Xã Thường Xuân	5.900	5.900
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	3.800	3.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.100	2.100
	Xã Luận Thành	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
	Xã Tân Thành	400	400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	400	400
	Xã Thắng Lợi	200	200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	200	200
	Xã Xuân Chinh	800	800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	300	300
	Xã Bát Mọt	300	300
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	300	300

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Lương Sơn	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Vạn Xuân	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600

DANH MỤC SỐ 19
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NHƯ THANH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	13.000	13.000
	Xã Mậu Lâm	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Yên Thọ	2.300	2.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.800	1.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Thanh Kỳ	1.300	1.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Như Thanh	4.300	4.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.800	1.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Xuân Thái	800	800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	300	300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Xuân Du	2.300	2.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.800	1.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500

DANH MỤC SỐ 20
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC PHƯỜNG CỦA HỘI SỞ NHCSXH TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	95.400	95.400
	Phường Hạc Thành	1.000	1.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
	Phường Đông Quang	1.500	1.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
	Phường Đông Sơn	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	3.500	3.500
	Phường Hàm Rồng	2.000	2.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
	Cho vay trực tiếp tại hội sở NHCSXH tỉnh	87.400	87.400
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	87.400	87.400

DANH MỤC SỐ 21
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH BỈM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BĐD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	15.000	15.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	15.000	15.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	12.000	12.000
	Phường Bỉm Sơn	6.400	6.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	3.400	3.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000
	Phường Quang Trung	5.600	5.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.600	2.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	3.000	3.000

DANH MỤC SỐ 22
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH QUAN SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	7.000	7.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	7.000	7.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	4.000	4.000
	Xã Trung Hạ	100	100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	100	100
	Xã Quan Sơn	1.600	1.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Tam Lư	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
	Xã Tam Thanh	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Sơn Điện	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600
	Xã Mường Mìn	600	600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	600	600

DANH MỤC SỐ 23
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH THIỆU HÓA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	26.000	26.000
	Xã Thiệu Hóa	5.500	5.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.500	1.500
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.000	4.000
	Xã Thiệu Toán	1.800	1.800
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	300	300
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500
	Xã Thiệu Trung	5.000	5.000
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.000	1.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	4.000	4.000
	Xã Thiệu Tiến	3.500	3.500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.500	1.500

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Thiệu Quang	4.900	4.900
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.400	2.400
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Phường Đông Tiến	5.300	5.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.800	2.800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500

DANH MỤC SỐ 24
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH MƯỜNG LÁT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	7.000	7.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	7.000	7.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	5.000	5.000
	Xã Trung Lý	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Pù Nhi	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Tam Chung	400	400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	400	400
	Xã Quang Chiểu	700	700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	700	700
	Xã Mường Chanh	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Mường Lý	500	500
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	500	500
	Xã Mường Lát	1.700	1.700
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	700	700
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	1.000	1.000
	Xã Nhi Sơn	200	200
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	200	200

DANH MỤC SỐ 25
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC XÃ CỦA PGD NHCSXH NHƯ XUÂN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày / /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	9.000	9.000
	Xã Như Xuân	3.300	3.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	2.500	2.500
	Xã Xuân Bình	1.300	1.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Hóa Quỳ	1.300	1.300
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	800	800
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Thanh Phong	500	500
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
	Xã Thanh Quân	500	500
1	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500
	Xã Thượng Ninh	2.100	2.100
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	1.600	1.600
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	500	500

DANH MỤC SỐ 26
GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2026
ĐỐI VỚI CÁC PHƯỜNG CỦA PGD NHCSXH SẦM SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDD ngày /2026
của Trưởng Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giao tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
I	Kế hoạch nguồn vốn	10.000	10.000
1	Tiền gửi của tổ chức và cá nhân	10.000	10.000
II	Kế hoạch dư nợ nguồn vốn trung ương	21.000	21.000
	Phường Sầm Sơn	9.600	9.600
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	3.000	3.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	6.600	6.600
	Phường Nam Sầm Sơn	11.400	11.400
1	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ nguồn vốn NHCSXH huy động	2.000	2.000
2	Cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	9.400	9.400